

Phụ Tá Đặc Biệt Nguyễn Văn Ngân nói gì về những bí ẩn quanh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu?

Trần Phong Vũ thực hiện

Đôi lời của người phỏng vấn:

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, vai chính nắm giữ chìa khóa mở vào những bí ẩn của một giai đoạn lịch sử, đã vĩnh viễn ra đi ngày 29-9-2001 không để lại một vết tích nào, ít nữa là về phía ông. Không hồi ký. Không di chúc chính trị. Ông lặng lẽ trở về lòng đất mang theo một trời tâm sự u uẩn của một nhà lãnh đạo từng được dư luận đặt lên bàn cân với nhiều suy đoán, nhận định, lượng giá khác nhau, đôi khi đối nghịch nhau. Một khuôn mặt thời cơ? Một kẻ tham quyền cố vị? Một lãnh tụ gan lì, nham hiểm, nhiều thủ đoạn? Một người yêu nước cô đơn? Một nhà lãnh đạo quốc gia thông minh, mưu trí, nhưng... sinh bất phùng thời?

Do một trùng hợp tình cờ, 5 năm sau ngày TT Thiệu từ trần, chúng tôi đã gặp gỡ ông Nguyễn Văn Ngân, nguyên Phụ tá đặc biệt về chính trị của TT Nguyễn Văn Thiệu dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa để thực hiện cuộc phỏng vấn này trong nhiều ngày của tháng 9 năm nay (2006).

Là một cộng sự viên lâu năm và là một Phụ tá trẻ tuổi nhất trong số những Phụ tá đặc biệt của TT Thiệu, ông Ngân thường được giới báo chí ngày đó coi là một khuôn mặt bí ẩn. Đối với các chính khách “vòng trong” thì ông là người đã nắm giữ nhiều quyền lực quan trọng trong

hậu trường chính trị miền Nam bấy giờ.

Ông Nguyễn Văn Ngân khởi sự làm việc với TT Thiệu năm 1965, thời gian ông Thiệu giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ Phan Huy Quát. Năm 1967, ông là đại diện của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia trong liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ tại Hội đồng Tuyển cử Trung ương, trong cuộc chạy đua vào dinh Độc lập.

Năm 1971, TT Thiệu ủy nhiệm ông chỉ đạo toàn bộ cuộc bầu cử tháng 10-71; ông là tác giả đạo luật bầu cử tổng thống với điều 10 khoản 7 đưa đến tình trạng độc cử.

Năm 1974, ông là tác giả tu chính án Hiến pháp tháng 01-74 gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng thống.

Ông là người trách nhiệm điều hợp các cơ chế hiến định: Quốc hội, Tối cao Pháp viện, Giám sát viện... và có ảnh hưởng quan trọng đến sinh hoạt của các cơ chế này; đồng thời là người tổ chức đảng Dân Chủ là đảng cầm quyền của TT Thiệu gồm hệ thống quần chúng, chính quyền và quân đội.

Tháng 5-1974 ông bị TT Thiệu giải nhiệm và buộc phải rời khỏi Việt Nam. Cuối tháng 01-75, ông từ Mỹ và Gia nã đại về nước. Đầu tháng 4 năm ấy ông bị TT Thiệu hạ lệnh cho cơ quan an ninh “cô lập” và chỉ được trả tự do sau khi TT Thiệu rời Việt nam đi Đài Loan tối ngày 25-4-1975.

Trong cuộc phỏng vấn, chúng tôi được ông Ngân cho xem một số chứng liệu liên hệ và chúng tôi đã yêu cầu được làm phóng ảnh văn kiện có thủ bút của Tổng thống

Nguyễn Văn Thiệu kèm theo phần kết thúc bài phỏng vấn này.

Trần Phong Vũ - Ngày 25 Tháng Chín năm 2006.

Kỳ I — Những bí ẩn lịch sử được khai quật

- *Vì sao, cho đến khi chết, ông Thiệu vẫn không viết hồi ký?*
- *Ngoài cộng sản, ông Thiệu mang mối thù xương tủy người Mỹ đến tận cuối đời*
- *Vụ mất Quảng Trị năm 72 là một “sabotage politic”?*
- *Vào lúc nào ông Thiệu nuôi ý định tự sát như một cách chống trả cuối cùng?*

Hỏi: Sau khi tổng thống Thiệu mất tháng 9 năm 2001 nhiều tài liệu được tiếp tục giải mật và nhiều hồi ký chánh trị được xuất bản liên quan đến nội tình và cuộc chiến Việt Nam vào giai đoạn ông cầm quyền. Ông là một công sự viên thân cận và là phụ tá chánh trị của tổng thống Thiệu, có thể giúp chúng tôi soi sáng một số vấn đề liên hệ?

Đáp: Tôi chỉ có thể trả lời cho ông những sự thực mà tôi được biết trực tiếp hay gián tiếp bởi những công việc và trách nhiệm được giao phó trong giai đoạn đó.

Điều đáng tiếc là tổng thống Thiệu lúc còn sống đã hoàn toàn im lặng.

Hỏi: Theo ông biết thì vì lý do nào tổng thống Thiệu không để lại hồi ký?

Đáp: Tôi có biết một số sự việc.

Đầu năm 1983 tôi gặp ông Thiệu ở London. Ông kể cho tôi việc bà Anna Chennault qua Đài Loan thăm ông sau 30/4/75. Năm 1968, bà Anna Chennault là thành viên trong nhóm vận động tranh cử của tổng thống Nixon đã gặp ông Thiệu nhiều lần tại Sài Gòn và quyết định của ông Thiệu không gởi phái đoàn dự hòa đàm Paris đã giúp Nixon thắng cử Humphrey với một tỉ lệ xít xao vào cuối năm đó. Cũng cần nói rõ ở đây là quyết định của ông Thiệu không gởi phái đoàn dự hòa đàm không phải vì Nixon như nhiều nhân vật chính trị đã suy diễn bởi hệ quả của nó mà vì những bất đồng giữa Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) và chính quyền Johnson chưa được giải quyết trong đó có vai trò của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) tại hòa đàm. Ông Thiệu thuộc loại người ăn chắc mặc bền, rất cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm không cho phép ông đem sinh mạng đất nước vào canh xì phé đổi chác những hứa hẹn thiếu cụ thể. Về việc bà Chennault qua thăm ông Thiệu tại Đài Loan, ông nói: *“Người Mỹ đâu có xuất tiền mua vé máy bay đi thăm tôi, họ muốn thăm dò phản ứng của tôi vì năm 76 là năm bầu cử tổng thống Mỹ; bà Chennault nói với tôi: "nếu tổng thống viết hồi ký thì tôi đã có sẵn publisher...” Ông Thiệu nói và đồng thời khuyên tôi: “Nếu mình còn muốn làm việc cho quốc gia thì không nên viết hồi ký, họ biết tư tưởng của mình thì còn làm việc sao được”.*

Năm 1992, sau khi Đông Âu tan rã và Liên bang Xô–Viết sụp đổ, tôi nói với ông Thiệu: Bây giờ tổng thống có thể xúc tiến viết hồi ký. Ông đồng ý và yêu cầu tôi đóng góp ý kiến.

Thời gian sau đó tôi không còn liên lạc với ông nhưng

qua vài người thân cận với ông tôi biết ông đã bỏ ý định viết hồi ký.

Tháng 7/2001 tôi nói chuyện điện thoại với ông vào lúc ông vừa ở bệnh viện ra và đang thời kỳ vật lý trị liệu. Ông cho tôi biết rõ về căn bệnh tim, giọng ông đã yếu rất nhiều so với trước. Ngay sau đó tôi có đề nghị với một người bạn thân của gia đình ông là nên gọi ý với ông Thiệu để lại di chúc chánh trị vì với căn bệnh tim như ông nói thì có thể ra đi bất cứ lúc nào. Sở dĩ tôi không đề cập thẳng vấn đề với ông Thiệu vì đã lâu tôi không có liên lạc với ông, đây là vấn đề tế nhị có thể tạo nên xúc động ở một người lớn tuổi và đang đau yếu.

Hỏi: : Khi ông nghĩ về một di chúc chánh trị của ông Thiệu chắc hẳn phải có lý do?

Đáp: Trong cuộc gặp gỡ ở London đầu năm 1983, ông Thiệu nói với tôi: *“Tôi đã sống ở đây (London) 8 năm trong cay đắng... nhưng tôi đã học hỏi được rất nhiều, nhiều hơn là trong mười năm ở chức vụ lãnh đạo quốc gia, thật ra ngày đó mình đã không được “préparer” trong chức vụ đó”*.

Muốn hay không, ông đã là một nhân chứng quan trọng vì đồng thời là một tác nhân. Giai đoạn ông lãnh đạo đất nước có tính cách chuyên hoạnh cá nhân, có nghĩa là nhiều bí mật quốc gia đã không được chia sẻ, nhiều quyết định liên quan đến vận mệnh đất nước mà động cơ thực sự chưa bao giờ được tiết lộ. Giai đoạn của ông tuy ngắn nhưng là giai đoạn bi thảm nhất trong lịch sử dân tộc, với sự yểm trợ của cộng sản quốc tế và sự tham chiến của người Mỹ, chưa bao giờ những người Việt Nam lại chém giết nhau một cách tàn tình như vậy.

Cuộc chiến tranh lạnh tuy đã chấm dứt nhưng vị trí địa lý chánh trị Việt Nam không thay đổi, vẫn là nơi tranh chấp giữa các siêu cường dưới hình thức này hay hình thức khác và những bài học lịch sử trong giai đoạn ông có một tầm mức quan trọng cho những thế hệ mai sau.

Hỏi: Dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng như Tổng thống Thiệu, sự lãnh đạo đều có tính cách chuyên hoạnh cá nhân. Điều này có phải vì đầu óc độc tôn, tham quyền cố vị của lãnh tụ như hiện tượng phổ quát trong hầu hết các quốc gia chậm tiến?

Đáp: Tại miền Nam Việt Nam dưới thời Tổng thống Diệm và Tổng thống Thiệu có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân: nền dân chủ phôi thai, sinh hoạt chính đảng yếu kém, xã hội phân hóa, chiến tranh v.v... nhưng một trong những nguyên nhân chính có tính cách quyết định là chính sách can thiệp của người Mỹ.

Người Mỹ đã thay thế người Pháp với chánh sách thực dân mới. Vào thế kỷ 19 người Pháp nhân danh khai hóa để khai thác tài nguyên thuộc địa, nay người Mỹ nhân danh dân chủ để khai thác xương máu người Việt Nam trong việc thiết lập một tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á của chủ thuyết Domino. Người Mỹ đến Việt Nam không vì quyền lợi người Việt Nam mà vì quyền lợi người Mỹ. Nền dân chủ mà người Mỹ xiển dương khi can thiệp vào Việt Nam là nền dân chủ được định nghĩa trong quyền lợi của Mỹ, một thứ pho sản được dùng làm bình phong để thực hiện chính sách chia để trị, thiết lập đạo quân thứ năm, khuyến khích tình trạng vô chính phủ, nội loạn... để dễ bề khuynh loát và khi cần thiết để thực hiện các cuộc đảo chánh và ám sát lãnh tụ quốc gia bằng bàn tay của các tay sai bản xứ.

Chánh sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ đã được sử dụng như lưỡi gươm Damoclès. Trong khi viện trợ của Nga–Tàu cho Bắc Việt nặng tính cách sản xuất thì viện trợ của Mỹ cho miền Nam Việt Nam hoàn toàn có tính cách tiêu thụ. Trong thời chiến Bắc Việt có khu kỹ nghệ nặng gang thép Thái Nguyên và cục quân giới của tướng Trần đại Nghĩa có khả năng cải tiến Sam 2 bằng cách ngăn chặn hệ thống nhiễu sóng radar và đặt tầm cao hạ máy bay B52 của Mỹ bấy giờ được xem là loại máy bay bất khả xâm phạm có sức oanh tạc phá hoại ghê gớm – thì kỹ nghệ quốc phòng của miền Nam Việt Nam là con số không. Những dự án xây dựng cơ sở đúc súng đạn, nhà máy lọc dầu, phân bón... từ thời tổng thống Ngô Đình Diệm đều bị người Mỹ ngăn chặn. Đối với một dân tộc, dù viện trợ có tính cách sản xuất, muốn sử dụng hữu hiệu cũng đòi hỏi phải có tinh thần tự lực, tự cường; huống hồ dân tộc đó vừa thoát khỏi ách đô hộ trăm năm của thực dân Pháp, chính sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ chỉ nhằm mục đích làm tê liệt ý chí đề kháng và nô lệ hóa.

Cùng với chính sách viện trợ có tính cách tiêu thụ và nhân danh dân chủ để can thiệp vào nội bộ quốc gia được viện trợ, chính quyền của quốc gia được viện trợ bị xem là công cụ của ngoại bang, đã đẩy một số quần chúng đi về phía cộng sản và dưới mắt thế giới Việt Nam Cộng Hòa đã bị cô lập, cuộc chiến đấu bảo vệ dân chủ và tự do của nhân dân miền Nam Việt Nam bị mất chánh nghĩa.

Những khó khăn thực sự của ông Diệm và ông Thiệu phát xuất từ chính sách can thiệp của người Mỹ, có thể nói nếu giải quyết được những khó khăn này thì sẽ giải quyết được 90% những khó khăn trong việc xây dựng

đất nước và chống cộng. Để đối phó với chánh sách hai mặt của người Mỹ, ông Diệm và ông Thiệu bị dồn vào thế lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân, và như một vòng luẩn quẩn không lối thoát, sự lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân đã làm mất hậu thuẫn rộng rãi trong quần chúng.

Chính sách thực dân mới của người Mỹ là yếu tố có tính cách quyết định đã làm sụp đổ miền Nam Việt Nam.

Sau thế chiến thứ I, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền đã đưa ra một bản cáo trạng lên án thực dân Pháp, thiết tưởng chế độ thực dân mới của Mỹ còn tàn bạo gấp nhiều lần so với thực dân cũ vì sau 30/4/75 Việt Nam Cộng Hòa đã hoàn toàn bị xóa sổ trên bản đồ thế giới.

Hỏi: Ông có đồng ý rằng chế độ đệ I và đệ II Cộng hòa cũng như ông Diệm và ông Thiệu đã được Hoa Kỳ yểm trợ nếu không muốn nói là đã góp phần quyết định?

Đáp: Không ai phủ nhận điều đó.

Cũng như chế độ miền Bắc với Hồ Chí Minh. Đó là hậu quả đương nhiên của một thế giới lưỡng cực sau thế chiến thứ hai mà Việt Nam là một điểm nóng trong cuộc tranh chấp giữa tư bản và cộng sản.

Người ta có thể nói Hồ Chí Minh là công cụ của cộng sản quốc tế nhưng ông Diệm và ông Thiệu trong thực tế không phải là tay sai của Mỹ.

Hồ Chí Minh đã áp đặt chế độ cộng sản trên đất nước, thay thế xiềng xích nô lệ thực dân, phong kiến bằng xiềng xích cộng sản; sự dã man và tàn bạo như thế nào

thì tất cả mọi người đều biết. Và hậu quả di lụy của tinh thần nô lệ đã khiến cho một dân tộc vốn giàu lòng hy sinh, siêng năng, nhẫn nại, đã chiến thắng trong chiến tranh nhưng đã thất bại trong hòa bình – đất nước tụt hậu trong đà tiến của nhân loại.

Kỳ II:

Những phát giác trong hậu trường chính trị Việt Nam Cộng Hòa

- *Dân chúng nghĩ gì về đường lối lãnh đạo của ông Thiệu?*
- *Khi nào ông Thiệu mất tin tưởng vào những cam kết của Nixon?*
- *Mất Quảng Trị: một “sabotage politique” của Mỹ?*
- *Ông Thiệu có mối lo sợ người Mỹ sẽ hãm hại ông?*

Hỏi: Dù sao ông Thiệu đã cầm quyền 10 năm từ 1965-1975, -hòa đàm Paris kéo dài từ 1968 đến 1973- thời gian đủ để tiên liệu và thực hiện những biện pháp cần thiết hầu ứng phó với vấn đề giải kết của Hoa Kỳ nhưng ông Thiệu đã hoàn toàn thụ động. Theo ông, phải chăng tình trạng này đã đóng góp vào sự sụp đổ của miền Nam ngày 30/4/75?

Đáp: Ông Thiệu thực sự cầm quyền qua cuộc bầu cử tháng 9/1967. Trong khi quân đội Mỹ còn đổ quân vào Việt Nam thì ông Thiệu đã đưa vấn đề giải quyết chiến tranh như một trong ba vấn đề căn bản của chương trình tranh cử: Xây dựng dân chủ - Giải quyết chiến tranh – Cải tạo xã hội. Sau vụ Tết Mậu thân 1968, ông Thiệu là

người chủ động đưa ra đề nghị Hoa Kỳ có thể thực hiện việc rút quân từng giai đoạn trong mục tiêu tranh thủ thời gian đổi lấy viện trợ kinh tế và quân sự vì ông hiểu Việt Nam Cộng Hòa sẽ không có tư thế tại hội nghị hòa đàm nếu không chủ động trên chiến trường v.v... Nếu cai trị là tiên liệu thì ông Thiệu là người có khả năng tiên liệu nhưng ông không có khả năng để thay đổi được chính sách của Hoa Kỳ trong chiến lược toàn cầu mà vị thế địa lý chánh trị của miền Nam Việt Nam không còn nằm trong quyền lợi ưu tiên của Mỹ, mặt khác, chúng ta không còn ở vào thời đại có thể dùng “tầm vông vọt nhọn” để chống trả với quân thù. Năm 1967 cùng với việc tiếp tục đổ quân vào Việt Nam đại sứ Bunker đã được tổng thống Johnson gửi sang Việt Nam với sứ mạng thực hiện việc giải kết để rút quân. Khi Nixon thắng cử 1968, đại sứ Bunker đã được yêu cầu lưu nhiệm cho đến tháng 5/1973 sau khi Mỹ đã thực hiện xong việc rút quân và lấy lại tù binh. Chính sách của đảng Dân Chủ và Cộng Hòa Mỹ trong vấn đề giải kết chiến tranh Việt Nam hoàn toàn có tính cách nhất quán.

Nếu sau Hiệp Định Genève 1954, người Mỹ ủng hộ ông Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại để thiết lập nền đệ I Cộng Hòa (1956 - 1963) như căn bản chánh trị để biện minh cho nhân dân Hoa Kỳ và thế giới về chính nghĩa của sự can thiệp vào Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản tại Đông Nam Á, thì năm 1967, người Mỹ đã áp lực chánh quyền quân nhân phải khai sinh nền đệ II Cộng Hòa, thực hiện chánh quyền dân chủ hợp hiến, hợp pháp để đưa Việt Nam Cộng Hòa vào bàn hội nghị và tạo bàn đạp cho Hoa Kỳ hòa đàm với cộng sản để rút quân, lấy lại tù binh, chấm dứt sự can thiệp và để miền Nam cho các phe phái chính trị tự giải quyết trên căn bản “dân tộc tự quyết”, điều mà hai thập niên trước đó Hoa Kỳ không bao giờ chấp nhận.

Hỏi: Ông nghĩ sao về nỗi căm phẫn của đại đa số quần chúng đối với ông Thiệu sau 30/4/75?

Đáp: Quần chúng đánh giá lãnh đạo qua sự thành bại, họ có quyền căm phẫn vì họ là lớp người bị hy sinh nhiều nhất cho đất nước cũng như phải gánh chịu những hậu quả bi đát nhất sau 30/4/75 - nỗi căm phẫn của họ là chính đáng; hơn nữa người lãnh đạo cũng như thuyền trưởng một con tàu, dù tàu chìm bởi bất cứ lý do gì thì thuyền trưởng phải là người rời tàu sau cùng hoặc phải chết theo tàu; mặt khác họ không ở cương vị để có thể nhìn vào mặt trái của cuộc chiến - vừa có tính cách nội chiến vừa có tính cách ủy-nhiệm mà những yếu tố quyết định hoàn toàn nằm ngoài tầm tay của người quốc gia.

Tôi nhớ vào khoảng 1990 ông Thiệu có buổi nói chuyện với một số đồng bào tại Westminster, California, một người đàn bà được một tổ chức chống đối sắp đặt đã cầm micro chửi bới ông Thiệu nặng nề. Ông Thiệu chỉ trả lời: tôi rất thông cảm với nỗi căm phẫn của bà.

Tôi hiểu sự im lặng của ông, nỗi cô đơn và cay đắng ông đã mang theo đến cuối đời. Ông Thiệu đã chết chắc hẳn không cần tôi biện hộ. Tôi cũng không làm công việc biện hộ mà chỉ nói lên sự thực mà tôi biết – tôi không có bốn phần tranh luận với bất cứ ai và cũng không nhằm thuyết phục bất cứ người nào. Đối với tôi, nói những điều tốt mà người ta không có cũng tệ hại như nói những điều xấu mà người ta không phạm phải vì tất cả đều là dối trá – nhất là đối với những người có đời sống công liên hệ đến vận mạng quần chúng thì còn là vấn đề trách nhiệm.

Ông Thiệu có những lỗi lầm trầm trọng trong vấn đề lãnh đạo quốc gia cũng như có những sai phạm cá nhân ảnh hưởng đến uy tín lãnh đạo. Ông là một nhà chính trị thực tiễn mà hoàn cảnh và môi trường trưởng thành không thể tạo ông thành một kẻ tử đạo. Tuy nhiên đến nay tôi vẫn nghĩ rằng nếu sự hy sinh có thể cứu vãn tình thế thì ông sẽ không từ nan. Lần tôi gặp lại ông ở Londres, ông nói như tâm sự: làm một người lính ra trận và hy sinh là một hành động dũng cảm, nhưng làm sao có thể sống sót để tiếp tục cuộc chiến đấu thì thật là khó.

Xét định một con người cần nhìn vào tổng thể và đặc biệt là những giờ phút nghiêm trọng sinh mạng bị thử thách. Không thể chỉ dùng những sự việc tiêu cực để tổng quát hóa mà phải xét đến các mặt tích cực của cá nhân đó. Tuy nhiên việc định công luận tội là công việc của lịch sử sau này.

Hỏi: Nhiều hồi ký chánh trị nói rằng ông Thiệu luôn luôn bị ám ảnh bởi việc người Mỹ thẩm sát các ông Diệm, Nhu nên thường thay đổi chỗ ngủ hàng đêm v.v... Điều này có thực không, và nếu thực thì đã ảnh hưởng như thế nào đến vấn đề lãnh đạo?

Đáp: Hàng năm đến 1/11, ông Thiệu có xin thánh lễ cầu hồn cho cố tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu tại dinh Độc-Lập.

Ông Thiệu có kể cho tôi nhiều lần về sáng 2/11/63 sau khi thanh toán mục tiêu dinh Gia-long, ông về trình diện Bộ Tổng-Tham-Mưu và sau đó có ra lệnh cho lính mở bùng thiết vận xa để chào thi hài ô.ô. Diệm, Nhu trước khi về nhà.

Tôi thường qua chỗ ở của ông Thiệu để làm việc những

khi ông không qua văn phòng và có khi làm việc trong phòng ngủ khi ông bị đau, tôi không thấy dấu hiệu thay đổi chỗ ngủ hàng đêm như đồn đại sau này. Có những biện pháp an ninh lúc ông đi ra ngoài, chẳng hạn mặc áo chắn đạn, hoặc cái podium ông đứng nói chuyện ngoài bằng gỗ nhưng trong có tấm thép chắn đạn, những biện pháp an ninh đặc biệt trong các cuộc diễn binh v.v... Tôi không để ý những chuyện này, đây là công việc của bộ phận an ninh. Chỉ có điều là những đề phòng này nhằm về phía Mỹ hơn là cộng sản.

Thực ra ông Thiệu đã sống trong sự đe dọa thường trực của người Mỹ về đảo chánh và ám sát suốt thời gian từ lúc cầm quyền 1967 đến lúc rời Việt Nam đi Đài Loan 1975. Đồng minh Mỹ là một đồng minh bất trắc, khó tiên liệu, và ông Thiệu luôn ở trong tình trạng của người làm xiếc đi dây nguy hiểm. Có lần tôi lưu ý ông Thiệu về trường hợp Tổng Thống Magsaysay, Lý Thừa Vãn, Ngô Đình Diệm..., ông Thiệu nói với tôi là ông không có an ninh... Trong giai đoạn giải kết, quyền lợi của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa tách rời đi đến đối nghịch, trong khi đó quyền lợi của Hoa Kỳ và của cộng sản xích lại gần nhau để đi đến thỏa hiệp chung. Nếu cộng sản áp dụng chính sách vừa đánh vừa đàm với Việt Nam Cộng Hòa và phối hợp cuộc đấu tranh trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao... thì chính sách của “đồng minh” Hoa Kỳ đối với “đồng minh” Việt Nam Cộng Hòa cũng tương tự: cà rốt và cây gậy đã được áp dụng triệt để với ông Thiệu trên mọi bình diện để buộc Việt Nam Cộng Hòa phải chấp nhận đường lối thương thuyết nhượng bộ cộng sản của Mỹ. Người Mỹ đã tiếp tay với cộng sản trong việc cổ vũ, ủng hộ các phong trào phản chiến, đòi hòa bình, hòa hợp hòa giải dân tộc, lực lượng thứ ba... mà thực chất là những tổ chức trá hình của cộng sản nhằm phá vỡ thế hợp hiến, hợp pháp của

chế độ VNCH, và đã không ngần ngại đâm sau lưng những người lính VNCH đang chiến đấu trong cái gọi là chương trình “Việt Nam hóa chiến tranh” để người Mỹ rút quân. Ông Thiệu nói với tôi vụ sư đoàn 3 rút bỏ Quảng- trị 1972 là một “sabotage politique”.

Nixon đã viết thư cho ông Thiệu nhắc đến ý đồ thanh toán ông Thiệu của chính quyền Johnson vào năm 1968 và vụ đảo chánh 1/11/63 như một đe dọa trực tiếp nếu ông Thiệu không tuân thủ những đòi hỏi của Mỹ. Vào những tháng cuối trước khi ký HĐ Paris, ông Thiệu nuôi ý định tự sát như một phương cách chống trả cuối cùng. Vào lúc căng thẳng này chúng tôi đã triệu tập đại hội nghị viên toàn quốc về Sài Gòn, tuần hành vào dinh Độc Lập cùng các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ lập trường “bốn không” của ông. Tài liệu của đại sứ Bunker đã ghi nhận ý định tự sát này của ông Thiệu qua một báo cáo của ông Trần Thiện Khiêm ghi âm cuộc đối thoại giữa ô.ô. Thiệu, Khiêm. Chính ý định tự sát này đã khiến ông Thiệu “lì lợm” trước những đe dọa của Nixon và đã đưa đến những nhượng bộ của Nixon bằng những cam kết mật.

Mỗi lần nhớ đến ông Thiệu, thực sự tôi không nghĩ đến những vinh quang bề ngoài của một Tổng Thống mà là những chuỗi ngày khó khăn của đất nước, những áp lực có tính cách quyết định ngày đó của Hoa Kỳ đã đè nặng lên ông, ông đã chiến đấu như một người lính đơn độc không vũ khí, bằng lòng dũng cảm và sinh mạng của chính mình. Tôi không có đức tin tôn giáo nhưng tôi vẫn cầu mong cho ông, một tín đồ ki-tô-giáo, được bình an và thanh thản nơi vĩnh hằng.

Hỏi: Có phải tổng thống Thiệu nói với ông là việc sư đoàn 3 tháo chạy đã để lại “đại lộ kinh hoàng” và

Quảng-trị thất thủ vào tháng 5/72 là một “sabotage politique” của người Mỹ?

Đáp: Đúng như vậy. Hậu quả đã để lại hơn 20 ngàn thương vong trên “đại lộ kinh-hoàng.”

Hỏi: Ông Thiệu đã nói với ông trong bối cảnh nào?

Đáp: Ngày hôm Quảng-trị thất thủ. Hôm đó vào lúc xế chiều tôi đang họp trung ương đảng bộ Dân-Chủ tại lầu nhà trắng trong khuôn viên dinh Độc-Lập thì được điện thoại của nhân viên văn phòng cho biết đại tá Đỗ Đức Tâm, thuyết trình viên quân sự của Tổng-Thống đang có mặt tại Văn Phòng của tôi để thuyết trình về tình hình quân sự sau khi vừa thuyết trình cho Tổng-Thống xong. Vì bận họp nên tôi yêu cầu đại tá Tâm gặp tôi tại lầu nhà trắng để thuyết trình cho tất cả cùng nghe. Sau phần thuyết trình, tôi nhớ rõ câu hỏi sau cùng của nghị sĩ Trần Trung- Dung, nguyên Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng của tổng thống Diệm: “...liệu chúng ta có giữ được Quảng-trị không?” Đại tá Tâm: “...chắc chắn chúng ta giữ được.” Chừng nửa giờ sau, điện thoại trên bàn họp reo, tôi nhắc máy, đầu dây là đại tá Tâm cho biết trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân đoàn I vừa điện trình Tổng Thống là Quảng trị đã thất thủ trưa hôm nay.

Sự việc cho thấy là trung-tướng Lãm không biết sư đoàn 3 rút bỏ Quảng-trị và như vậy là đã có một “sự cố bất thường” xảy ra nên tôi bỏ phòng họp đi gặp tổng thống Thiệu ngay lúc đó. Tôi thấy ông rất bình tĩnh. Ông nhìn tôi nói: tôi điện thoại gần như mỗi ngày cho ông Lãm về tình hình quân sự Quảng-trị, tối qua tôi còn nhắc ông Lãm phải coi chừng “thằng cộng sản” ngày 1/5, ông Lãm bảo đảm với tôi là không việc gì, thế mà như vậy. Ông dẫn mạnh: đây là một “sabotage politique”.

Lúc bấy giờ chỉ có tôi và ông.

Những chuyện như vậy thuộc loại “cấm kỵ” không phải có thể nói với bất cứ ai và không bao giờ ông nói khi có sự hiện diện của người thứ ba. Đó là nguyên tắc ngăn cách ông vẫn thường áp dụng và cũng là cách để bảo đảm sự an toàn cho chính ông. Trong trường hợp này, ông Thiệu là người duy nhất có đủ yếu tố chính trị để thẩm định, vì ông là người trực tiếp chịu các áp lực của Mỹ. Bấy giờ là tháng 5/1972, trong mật đàm Paris Mỹ và cộng sản đã đạt được các thỏa thuận căn bản, chỉ còn trở ngại về phía ông Thiệu.

Gần đây tôi có đọc một chứng liệu của đại-sứ Bunker thuật lại phiên họp tại dinh Độc-Lập một ngày sau khi Quảng-trị thất thủ giữa đại-sứ Bunker, tướng Abrams và tổng thống Thiệu. Ông Thiệu đã không hề quy trách cho các giới chức quân sự Việt Nam, ông im lặng một cách khó hiểu và mãi đến phút cuối cùng “bật nói”: “...không có lý do gì Quảng trị lại bị thất thủ, tướng Giai phải chịu trách nhiệm về việc này.”

Tướng Vũ văn Giai, Tư lệnh sư đoàn 3 giới tuyến, được di tản bằng trực thăng của Mỹ, bỏ lại binh sĩ và dân chúng với “đại lộ kinh hoàng” - đã bị đưa ra Tòa án quân sự, bị tước đoạt binh quyền và ở tù.

Tổng thống Thiệu đã ra lệnh tái chiếm Quảng trị ngay sau đó mặc dầu biết rằng Quảng trị sẽ thành một đồng gạch vụn, sẽ phải hy sinh những người lính thiện chiến của những đơn vị thiện chiến nhất mà tổn thất khó có thể bù đắp được trong thực tế bấy giờ - nhưng ông đã phải quyết định như vậy, một quyết định chính trị để chứng tỏ quyết tâm của quân dân miền Nam với thế

giới, với nhân dân Hoa-Kỳ, nhằm chống trả các thỏa hiệp mật giữa cộng sản và Mỹ mà sau này được cụ thể trong Hiệp Định Paris 1973.

Cũng tương tự như vậy, việc Trung Cộng chiếm Hoàng Sa vào đầu năm 1974 đã được sự thỏa thuận ngầm của Mỹ để đặt cộng sản Hà Nội sau này trước một “fait accompli “. Ông Thiệu biết Hải Quân Việt Nam không đủ sức đương đầu với hải quân Trung Cộng và hạm đội 7 Hoa Kỳ sẽ không can thiệp nhưng ông vẫn ra lệnh tái chiếm như một chứng liệu về chủ quyền lãnh thổ sau này.

Bởi chính sách hai mặt của Hoa Kỳ, nhiều áp lực nặng nề riêng cá nhân ông phải chịu đựng không được chia sẻ và trong nhiều trường hợp ông phải đưa ra những quyết định chuyên độc mà không thể giải thích với đồng bào cùng chiến hữu của ông.

Hỏi: Nhận định của ông Thiệu về vụ sư đoàn 3 tháo chạy có mâu thuẫn với các quyết định của người Mỹ mở rộng chiến tranh qua các cuộc tấn công của QLVNCH vào hậu cần của cộng sản tại Miên năm 1970 và hành quân Lam Sơn 719 ở Hạ Lào 1971 hay không?

Đáp: Không.

Các cuộc tấn công vào hậu cần cộng sản tại Miên 1970 và Hạ Lào 1971 chỉ có tính cách nhất thời nhằm mục đích chính là dùng xương máu của quân đội VNCH để mở rộng hành lang an toàn cho việc triệt thoái quân đội Mỹ.

Ông Thiệu miễn cưỡng phải chấp nhận mở cuộc hành quân Lam Sơn 1971 vì Hạ Lào tiếp giáp với hậu phương

lớn Bắc Việt. Khi có dấu hiệu sa lầy ông đã ra lệnh cho trung tướng Hoàng Xuân Lãm đưa ngay một đơn vị vào Tchepone “đái một bãi” (nguyên văn) và rút ra ngay lập tức.

Cần lưu ý là chương trình rút quân của Mỹ không phụ thuộc vào khả năng thay thế của quân lực VNCH, và chương trình Việt Nam hóa thực chất chỉ nhằm yểm trợ cho việc rút quân của Mỹ chứ không phải để VNCH có đủ sức đề kháng và tồn tại.

Hỏi: Sau này, nhiều người trong đó có những viên chức chính phủ của ông Thiệu cho rằng ông Thiệu đã dựa vào những cam kết mật của tổng thống Nixon nên đã chấp nhận ký kết Hiệp Định Paris vì không hiểu rõ tổ chức công quyền của Hoa Kỳ - thẩm quyền của hành pháp và lập pháp. Như tiến sĩ Kissinger đã nhận định: đó chỉ là những ý định của tổng thống Nixon, không có tính cách cam kết quốc gia vì không có phê- chuẩn của quốc-hội.

Đáp: Sự phán đoán như trên có tính cách phiến diện, hoàn toàn lý thuyết, xa hẵn thực tại. Hiệp định Paris không phải là văn kiện pháp lý phức tạp và chuyên biệt đòi hỏi phải có những hiểu biết chuyên môn và kiến thức đặc biệt -tựu trung chỉ có một vấn đề mấu chốt sinh tử là: Mỹ chấm dứt mọi sự can thiệp và quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam tại chỗ. Trong cuộc chiến chống xâm lăng Cộng sản Bắc Việt, xương máu quân dân miền Nam là nỗ lực chính nhưng mọi phương tiện chiến đấu hoàn toàn phụ thuộc vào Mỹ nên VNCH trong hòa đàm chỉ có vai trò hình thức.

Vào lúc bấy giờ ông Thiệu cũng hiểu như giải thích của Kissinger sau này, nhưng ông cũng hiểu rõ vị thế yếu kém của VNCH và giới hạn cuối cùng mà ông có thể đòi

hỏi ở Nixon. Ông Thiệu có chủ định rõ ràng là mua thời gian còn lại của nhiệm kỳ Nixon trong hoàn cảnh “còn nước còn tát”.

Chúng ta cần nhớ rằng không hề có một hiệp ước Việt Mỹ nào về việc Mỹ đổ quân và tham chiến ở Việt Nam cũng như không có một văn kiện pháp lý nào về quy chế trấn đóng của quân đội đồng minh trên lãnh thổ Việt Nam bấy giờ. Những tiểu đoàn TQLC Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng đầu năm 1965 dưới thời chính phủ Phan Huy Quát, ông Thiệu là Tổng trưởng Quốc Phòng kiêm Phó Thủ tướng; ông nói với tôi: tình hình bấy giờ hơn hai phần ba lãnh thổ bị cộng sản ung thối, nếu quân đội Mỹ không can thiệp kịp thì miền Nam mất.

Thời đệ I Cộng Hòa, tổng thống Diệm muốn có một hiệp ước hỗ-tương như ở Đại Hàn nhưng người Mỹ từ chối. Các cố vấn quân sự Mỹ đến và đi không qua sự kiểm soát của nhà chức trách Việt Nam.

Miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống cộng sản hoàn toàn bị phụ thuộc Hoa Kỳ, chúng ta không ở vào vị thế có thể đặt điều kiện với họ. Quân đội Mỹ muốn đến là đến, muốn đi là đi, hậu quả là vấn đề đơn phương rút quân, Việt Nam hóa, Hiệp Định Paris... Tương quan Việt Mỹ là một tương quan thực tế mà người Mỹ cố tình không để bị ràng buộc vào những văn kiện pháp lý “giấy trắng mực đen” như ở Triều tiên, Nhật bản, Âu châu là những nơi Hoa Kỳ có mục tiêu dài hạn.

Hỏi: Đến bao giờ thì ông Thiệu mất tin tưởng vào các cam kết mật của Nixon? Vụ ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vào đầu năm 1975 có phải là một trắc nghiệm về những cam kết mật hay không?

Đáp: Ngay sau cuộc gặp gỡ Thiệu - Nixon tại San Clemente tháng 4/73. Về phương diện biểu kiến cuộc gặp gỡ mang nhiều ý nghĩa tích cực như là một sự xác nhận các cam kết mật, sự tiếp tục ủng hộ của Hoa Kỳ với VNCH và đặc biệt với ông Thiệu, nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Cuộc gặp gỡ mặt đối mặt đã khẳng định cho ông Thiệu thấy không còn hy vọng vào các cam kết mật cũng như các viện trợ quân sự và kinh tế đã được hứa hẹn trước đây. Đây là lý do và thời điểm quyết định việc tu chính hiến pháp: gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng thống.

Cuộc độc cử 1971 đã làm sút giảm uy tín chính trị của ông Thiệu; Hiệp Định Paris thừa nhận cho quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam, ngưng bắn tại chỗ, chính phủ liên hiệp ba thành phần đã hoàn toàn xóa bỏ lập trường bốn không của ông; người Mỹ đã hoàn tất việc rút quân và lấy lại tù binh; và nay là hiểm họa Hoa Kỳ bỏ rơi... khiến ông Thiệu bị lột truồng như câu chuyện ông vua không quần áo (the emperor without any clothes) và hoàn toàn trắng tay. Tư thế lãnh đạo của ông Thiệu bị đặt trong hoàn cảnh thử thách nghiêm trọng và đây là lý do thực sự của vụ tu chính hiến pháp đã không bao giờ được tiết lộ. Nội dung tu chính bấy giờ được giữ mật vì phải chờ sau cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện tháng 10/73 mới đủ túc số thực hiện. Việc tu chính không nhằm vào nhiệm kỳ 3 Tổng Thống mà mục đích thực sự là bày tỏ sự tín nhiệm của dân chúng qua Quốc Hội “để tái trang bị” tư thế lãnh đạo của ông Thiệu hầu đối phó với tình thế mới. Dù muốn hay không sinh mạng chính trị của ông Thiệu đã gắn liền với sự còn mất của chế độ và sau ông sẽ là trận hồng thủy. Trong cuộc gặp các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ tu chính Hiến Pháp tại hội trường khách sạn Majestic vào đêm trước hôm biểu quyết, tôi có nói rõ: “đây không phải là hành động ủng

hộ cá nhân tổng thống Thiệu mà là hành động của mỗi chúng ta để tự cứu”. Có thể họ hiểu là tình hình nghiêm trọng nhưng không biết là đang bị Hoa Kỳ bỏ rơi và đất nước đã ở trên bờ vực thẳm.

Nếu Kissinger đã tiên liệu thời gian có thể coi được (decent interval) từ HĐ Paris 1/73 đến lúc miền Nam sụp đổ là một năm rưỡi thì ông Thiệu đã tiên liệu một thời gian ngắn hơn. Đầu năm 1974 cũng là lúc Quốc Hội biểu quyết tu chính Hiến Pháp, ông Thiệu nói tại Hội đồng Tổng trưởng: “...các quan sát viên quốc tế rất ngạc nhiên khi thấy chúng ta còn ngồi ở đây hôm nay, tất cả đều nghĩ rằng miền Nam Việt Nam chỉ có thể tồn tại không quá sáu tháng sau HĐ Paris...” Như một người chết đuối vớ bất cứ bèo bọt nào, ông ra lệnh mật cho Bộ Tổng Tham Mưu kiểm thính điện đài các dàn khoan để tìm hiểu trữ lượng dầu hỏa với hy vọng Mỹ sẽ không bỏ rơi Việt Nam, ông nói: tôi sẽ làm bộ trưởng dầu hỏa chứ không làm tổng thống. Ông chỉ thị cho chính phủ tạo điều kiện dễ dàng cho ngoại quốc đầu tư, ông nói với tôi: bây giờ cho không để bọn nó vào (đầu tư) cũng phải “cho không”.

Đối với cộng sản, cuộc tấn công chiếm Phước Long đầu năm 1975 là một thử nghiệm về ý đồ tái can thiệp của Mỹ được mệnh danh là đòn “trình sát chiến lược”, sau đó Bộ Chính trị đã quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên và tiếp theo là chiến dịch Hồ Chí Minh.

Đối với ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vì sẽ tổn thất rất nặng không thể bù đắp, có chiếm lại cũng không giữ được, lực lượng trừ bị không còn và phải bảo toàn lực lượng cho các cuộc tấn công sắp tới của cộng sản.

Hỏi: Ngoài việc tu chính gia tăng ba nhiệm kỳ Tổng Thống, còn có việc gia tăng thời hạn mỗi nhiệm kỳ từ 4 năm lên 5 năm. Lý do?

Đáp: Lý do được viện dẫn của tu chính là chương trình kinh tế ngũ niên nhưng sự thực là chúng tôi muốn có khoảng cách xa giữa cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ và Tổng Thống Việt Nam vì nhiệm kỳ Tổng Thống Mỹ cũng 4 năm, và cứ 4 năm thì nước Mỹ lại bị một cơn sốt chính trị ảnh hưởng nặng nề đến cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam. Đây không phải là mục tiêu chính của tu chính Hiến Pháp nhưng nhân việc tu chính Hiến Pháp thì chúng tôi bỏ vào luôn.

Hỏi: Ông Thiệu có tham khảo ý kiến của người Mỹ về việc tu chính Hiến Pháp hay không?

Đáp: Không. Như tôi đã nói ở trên, nội dung tu chính Hiến Pháp đã được quyết định ngay sau khi tổng thống Thiệu ở San Clemente về nhưng được giữ mật cho đến sau cuộc bầu cử bán phần TNV tháng 10/73. Đại sứ Martin chỉ được tổng thống Thiệu thông báo sau khi dự luật tu chính được đệ nạp tại Quốc hội tức là vào khởi đầu giai đoạn công khai. Ông Thiệu nói với tôi: Ngày hôm qua tôi có mời ông Martin vào đây (dinh Độc Lập) để thông báo về việc chúng ta tu chính Hiến Pháp - tôi nói với ông Martin là tôi nhận thấy có bốn phận phải thông báo cho ông đại sứ vì Hoa Kỳ là đồng minh chính yếu đã giúp đỡ chúng tôi trong cuộc chiến... Cụ Hương được ông Thiệu thông báo vào lúc dự luật tu chính được đưa cho các dân biểu, nghị sĩ đứng tên tác giả v.v... Nội vụ hoàn toàn được giữ mật cho đến giờ cuối.

Hỏi: Trong cuộc bầu cử tổng thống 1967 theo hồi ký của cựu Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ thì ông không

hề bị áp lực Hoa Kỳ mà vì sự đoàn kết của quân đội nên đã tự ý nhường cho ông Thiệu làm ứng cử viên tổng thống trong liên danh Thiệu Kỳ?

Đáp: Mọi người đều biết quyền lực chính trị không phải là vật được hiến tặng. Việc sáp nhập liên danh Thiệu Kỳ là do quyết định của Hội đồng quân lực được triệu tập do “gợi ý” của Tòa Đại Sứ Mỹ với nhận định nếu hai ông Thiệu Kỳ tranh cử riêng rẽ thì có nguy cơ bị thất bại trước liên danh Dương Văn Minh. Lúc bấy giờ người Mỹ còn tăng quân tại Việt Nam nên muốn có một chính quyền chống cộng. Mặt khác nếu liên danh Dương Văn Minh đắc cử sẽ là mối đe dọa trực tiếp đối với quyền lợi của đa số tướng lĩnh trong Hội đồng quân lực bấy giờ nguyên là các sĩ quan trung cấp thời đảo chánh 1963 được nâng cấp rất nhanh do việc kéo bè kết đảng dưới thời Nguyễn Khánh và đã ngoi lên nắm quyền lực sau chỉnh lý 30/1/64, trong đó nhóm tướng Dương Văn Minh bị hất ra khỏi chính trường. Hội đồng tướng lĩnh đã họp nhiều phiên liên tiếp, ban đầu ở dinh Bạch Đằng, về sau chuyển về Bộ Tổng Tham Mưu, cuối cùng đã đi đến quyết định Thiệu Kỳ đứng chung một liên danh: Trung tướng Thiệu là ứng cử viên tổng thống của liên danh vì ông có cấp bậc cao nhất trong quân đội và đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy Ban Lãnh đạo Quốc gia tức Quốc trưởng. Tôi được điện thoại của trung tướng Thiệu từ Bộ Tổng Tham Mưu để điều chỉnh hồ sơ tranh cử Thiệu - Kỳ, lúc đó chỉ còn 12 giờ là hết hạn ghi danh theo luật định tính đến nửa đêm cùng ngày. Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia đã gửi Quốc hội một văn thư yêu cầu không chấp đơn ứng cử của liên danh Dương Văn Minh vì lý do an ninh quốc gia. Liên danh này về sau đã bị Quốc Hội bác đơn vì ứng cử viên Phó Tổng Thống Trần Ngọc Liễng mang song tịch (Việt và Pháp).

Liên danh Thiệu - Kỳ đã đắc cử với một tỷ lệ thấp 34.8% tổng số cử tri đi bầu và Quốc Hội đã hợp thức hóa với 58 phiếu thuận/ 43 phiếu chống. Cụ Phan Khắc Sửu đã từ chức chủ tịch Quốc Hội để phản đối việc hợp thức hóa.

Cần phải nói đây là cuộc bầu cử ngay thẳng hay ít nữa sự gian lận nếu có đã không ảnh hưởng đến kết quả chung cuộc. Như lời thú nhận của ông Kỳ sau này là ông không có lợi ích gì để gian lận cho ông Thiệu. Sở dĩ số phiếu hợp thức hóa sự đắc cử của liên danh Thiệu - Kỳ thấp vì một số đông dân biểu bị thất cử trong cuộc bầu Thượng nghị viện, một số thuộc phe nhóm ông Kỳ, một số có liên danh tranh cử Tổng Thống v.v.. đã bỏ phiếu chống lại việc hợp thức hóa với ý đồ “xóa bài làm lại”. Điều này phản ảnh bản chất vô trách nhiệm của đối lập trong sinh hoạt chính trị miền Nam “không ăn được thì đạp đổ”, bất kể đến sự an nguy của chế độ và quyền lợi của quảng đại quần chúng.

Hỏi: Khi ra tranh cử Tổng thống đối đầu với ông Kỳ, ông Thiệu có hy vọng đắc cử không?

Đáp: Ông Thiệu hoàn toàn không có khả năng đắc cử. Lúc ông Thiệu yêu cầu tôi làm đại diện cho liên danh Nguyễn Văn Thiệu – Trình Quốc Khánh, tôi nói: tôi có thể làm việc này nhưng liên danh không có khả năng thắng cử, Trung tướng nên chọn người có tên tuổi để làm bàn đạp chính trị sau này... Tôi đưa tên một số thành viên trong Hội đồng Dân Quân và Quốc hội Lập hiến. Ông nói: Anh thử đi mời xem. Kết quả, tất cả đều từ chối, có người còn chỉ trích nặng nề cá nhân ông Thiệu... Tôi phản ảnh cho ông Thiệu, ông chỉ nói: “tôi đã nói anh giúp tôi, đi mời làm gì mất thì giờ. Tôi nói thật với anh dù không ai ủng hộ tôi hết, tôi một phiếu, vợ tôi một

phiếu, con tôi một phiếu, tôi vẫn ra...” Còn cái ông đã chỉ trích gần như mặt sát ông Thiệu thì sau này ông ta và đảng của ông ta đã lãnh tiền nhiều nhất của ông Thiệu cùng các đặc quyền khác.

Chánh văn phòng đặc biệt của ông Thiệu là thiếu tá Võ Văn Cẩm (cấp bậc sau cùng là đại tá) nhờ tôi tìm giùm một sĩ quan bị động viên có văn bằng kiến trúc sư. Tôi hỏi: giờ này đem kiến trúc sư về làm gì? Anh ta cười, giọng khôi hài: ... thì trong quỹ còn một triệu để xây cho “Ông” (ông Thiệu) cái nhà mát ở Vũng Tàu đi câu cá, thua rồi thì đi câu chứ còn làm gì nữa? Tôi giới thiệu kiến trúc sư Lê Tấn Chuyên bây giờ đang biệt phái ở Bộ Xây dựng Nông thôn của tướng Thắng. Anh ta là người đã vẽ dấu hiệu tranh cử của ông Thiệu (bản đồ Việt Nam trên lá quốc kỳ) và quốc huy của Tổng Thống với hai con rồng chầu nhau nhưng hai cái râu rồng vẽ lên vĩnh xuống là của ông Thiệu sửa lại. Ông Thiệu là người rất tỉ mỉ và chi tiết ngay cả trong cung cách giải trí. Có hôm làm việc trễ tôi ở lại ăn cơm trưa với ông, thấy một mẫu giấy nhỏ của sở nội dịch để ở chỗ ông ngồi trình về “lý lịch” khúc cá hồng nấu canh bữa đó: lấy từ freezer một con cá câu được tại Côn-sơn, ngày... tháng... cân nặng v.v... Điều đặc biệt là mặc dầu rất chi tiết trong công việc nhưng không bao giờ ông bị lạc ra khỏi tổng thể. Kiến trúc sư Lê Tấn Chuyên phàn nàn với tôi họa đồ căn nhà mát bị ông sửa đi sửa lại hoài, tiền ít mà đòi cái gì cũng tốt. Lê Tấn Chuyên là một trong hai kiến trúc sư thiết kế bệnh viện Vì Dân của bà Thiệu, nay là bệnh viện Thống nhất, lúc còn ở trung học hoạt động học sinh kháng chiến bị Pháp bắt giam, sau 1955 vì còn liên hệ với tổ chức cũ nên bị quốc gia bắt, sau 30/4/75 cùng gia đình vượt biên và chết trên biển.

Năm 1967, mục tiêu của ông Thiệu ra tranh cử đối đầu

với ông Kỳ không phải để thắng cử mà buộc ông Kỳ hoặc phải tương nhượng (đứng chung) hoặc sẽ bị loại trừ (thất cử).

Có một sự kiện đến nay chưa được tiết lộ là lúc bấy giờ ông Thiệu đã liên kết với cụ Trần Văn Hương. Ông Thiệu không có khả năng đắc cử nhưng ông Thiệu có khả năng loại trừ ông Kỳ có nghĩa là làm cho ông Kỳ bị thất cử nếu không có sự sáp nhập chung, và liên danh có nhiều triển vọng thắng cử sẽ là liên danh Trần Văn Hương – Mai Thọ Truyền. Công việc của Bộ Tham mưu tranh cử của ông Thiệu bấy giờ không phải là vận động phiếu cho ông Thiệu mà là liên kết các lực lượng chống đối ông Kỳ và cô lập ông Kỳ bằng một mặt trận chống gian lận bầu cử, và ông Thiệu với tư thế của một quốc trưởng và người cao cấp nhất quân đội bấy giờ sẽ kêu gọi quân đội và các liên danh dân sự dồn phiếu cho liên danh Trần Văn Hương tiến đến một chính quyền đoàn kết quốc gia trong đó ông Thiệu sẽ giữ một vai trò then chốt. Chính bắt nguồn từ nền tảng liên kết này mà cụ Hương đã hợp tác với ông Thiệu suốt thời gian đệ II Cộng Hòa trong chức vụ Thủ Tướng và Phó Tổng Thống cho đến lúc chung cuộc.

Kỳ III

Bí ẩn trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1971 và sự ra đời của đảng dân chủ

- *Tại sao Big Minh rút lui trong cuộc chạy đua vào dinh Độc Lập năm 1971?*

- *Huỳnh Văn Trọng, Phạm Ngọc Thảo, Phạm Xuân Ẩn là ai?*

- *Cố TT Diệm và ông Nhu biết rõ vai trò của Phạm Ngọc Thảo?*

- *Ai chịu trách nhiệm về cái chết của Phạm Ngọc Thảo?*

Hỏi: Trong vụ Việt Cộng tấn công Chợ Lớn Mậu Thân 1968, trực thăng Mỹ trong một phi vụ yểm trợ đã bắn hỏa tiễn làm thiệt mạng một số sĩ quan của Bộ Chỉ Huy Hành Quân Việt Nam. Có dư luận cho rằng đây là một toa rập giữa ông Thiệu và Hoa Kỳ nhằm thanh toán phe nhóm ông Kỳ. Ông nghĩ sao về nguồn dư luận này?

Đáp: Đây chỉ là một vụ xạ kích lầm vì mặt trận Chợ Lớn bấy giờ chuyển động hàng giờ, ta và địch “trộn trấu”. Các sĩ quan tử thương là những sĩ quan trung cấp, trong đó có một số sĩ quan thuộc bộ phận kinh tài của ông Kỳ nếu được xem là quan trọng. Tòa Đại Sứ Mỹ đã có thư xin lỗi.

Trong thực tế người Mỹ và ông Thiệu không cần phải hành động như vậy, vì phe nhóm ông Kỳ chỉ là phe nhóm quyền lợi, một khi ông Kỳ không còn quyền lực thì họ sẽ tự động rã hàng. Tôi biết ông Thiệu là người có tự trọng và tự ái quốc gia, không hèn hạ đến mức độ nhờ bàn tay người Mỹ thanh toán người quốc gia. Tôi có thể nêu ra trường hợp cho thấy con người của ông Thiệu trong tương quan với Mỹ: Năm 1967, trong việc Quốc Hội hợp thức hóa sự đắc cử của liên danh Thiệu - Kỳ, các dân biểu đối lập và phe nhóm ông Kỳ muốn xóa bài làm lại. Ban đầu ông Thiệu “lì” mặc cho Tòa Đại Sứ Mỹ phải lo liệu vì ông biết người Mỹ cần cuộc bầu cử này như khởi đầu tiến trình đi đến thương thuyết với cộng sản; nhưng sau thì Đại Sứ Bunker yêu cầu ông Thiệu tiếp tay, đặc biệt với phe nhóm ông Kỳ vì họ nài có sợ ông Thiệu trả thù, thực ra thì họ muốn được đến

bù bằng tiền bạc, chức vụ và các quyền lợi khác. Ông Thiệu chỉ thị cho tôi mở các cuộc tiếp xúc. Bấy giờ, ờ ông Thiệu không có tiền, ông có thể hỏi đại sứ Bunker nhưng ông đã không làm điều đó. Một nhân viên trong văn phòng ông Thiệu đã phải cho mượn bằng cách đem vàng của ông ta đi cầm. Ông này nguyên là quận trưởng Gò Vấp dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, không hiểu sao ông ta có lại vàng khối (lingot) và trong các chứng liệu để lại của đại sứ Bunker, ông cho biết chưa bao giờ ông Thiệu yêu cầu được giúp đỡ riêng tư ngoại trừ một lần ông yêu cầu giúp Phó Tổng Thống Trần Văn Hương qua Mỹ để trị liệu tại bệnh viện Walter Reed. Cũng trong suốt thời gian tôi làm việc với ông Thiệu không hề có vấn đề thủ tiêu các đối lập chính trị.

Hỏi: Trong hồi ký của Tướng Kỳ cho rằng ông Thiệu đã ra lệnh thủ tiêu Phạm Ngọc Thảo. Ông có biết gì về chuyện này hay không? Ông có ý kiến gì về nhân vật Phạm Ngọc Thảo?

Đáp: Cái chết của Phạm Ngọc Thảo xảy ra năm 1965 dưới thời ông Thiệu làm chủ tịch UBLĐQG và ông Kỳ làm chủ tịch UBHPTU. Phạm Ngọc Thảo đã bị bắn trọng thương trước khi cảnh sát Biên Hòa giải giao cho nha an ninh quân đội nhưng vết thương không nguy hiểm đến tính mạng và đương sự đã chết tại nha an ninh quân đội vào khuya hôm đó. Lúc bấy giờ Trung Tá Nguyễn Ngọc Loan, cánh tay mặt của tướng Kỳ làm giám đốc nha an ninh quân đội. Theo luật số 1/UBLĐQG thì quyền hành của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được chuyển sang cho UBHPTU, ông Kỳ là một thủ tướng toàn quyền và ông Thiệu chỉ giữ vai trò quốc trưởng có tính cách tượng trưng. Giả sử có sự yêu cầu của tướng Thiệu như ông Kỳ nói thì trung tá Loan chỉ có thể thi hành khi có sự đồng ý của ông Kỳ.

Năm 1969 khi hành pháp chuyển hồ sơ vụ dân biểu Trần Ngọc Châu liên hệ cộng sản sang quốc hội để truất quyền và truy tố, tôi có lấy hồ sơ Phạm Ngọc Thảo để nghiên cứu vì cả hai có nhiều điểm tương đồng: thành phần tiểu tư sản, con cái quan lại, địa chủ, gia nhập về quốc đoàn lúc khởi đầu kháng chiến, trở về thành tỉnh trưởng Kiến Hòa v.v... Hồ sơ Phạm Ngọc Thảo chỉ ghi lại các hoạt động thời kháng Pháp trước hiệp định Genève 1954 và không có kết luận. Tôi có hỏi ông Thiệu thì ông nói: *anh cũng biết Kiến Hòa là hang ổ cộng sản có bao giờ yên đâu, thế mà dưới thời hai đứa (Châu, Thảo) làm tỉnh trưởng tình hình “ êm ru, bà rù “.*Thử hỏi *bọn nó là thần thánh hay sao?*

Năm 1995, nhà nước cộng sản truy tặng Phạm Ngọc Thảo danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân với quân hàm đại tá, trong bản tuyên dương công trạng ghi rõ một số thành tích đặc biệt: *thời gian làm tỉnh trưởng Kiến Hòa đã tạo điều kiện cho các lực lượng chính trị, võ trang phát triển, tạo đà cho phong trào đồng khởi giành thắng lợi to lớn; và sau 1/11/63 đã chủ động, đề xướng, thúc đẩy nhiều cuộc đảo chính, tạo mâu thuẫn, nghi kỵ, triệt hạ lẫn nhau trong nội bộ ngụy, làm cho tổ chức của địch suy yếu, lực lượng địch bị tiêu hao...*

Hỏi: Có dư luận nói rằng Phạm Ngọc Thảo thực tâm về với quốc gia, đã có mặt lúc quân đội sắp tấn công dinh Gia Long sáng ngày 2 Tháng Mười Một, 1963, với mục đích cứu ông Diệm theo lệnh của tướng Trần Thiện Khiêm?

Đáp: Việc Phạm Ngọc Thảo có mặt lúc quân đội tấn công dinh Gia Long sáng ngày 2 Tháng Mười Một, 1963,

với ý đồ cứu Tổng Thống Diệm đã được xác nhận sau này bởi một số sĩ quan chỉ huy tại chỗ lúc đó. Nhưng nói là do yêu cầu của tướng Trần Thiện Khiêm thì hoàn toàn không đúng vì ông Khiêm đã biết Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu không còn trong dinh. Hoặc giả ông Khiêm cố tình “mập mờ đánh lận con đen” trong trường hợp đảo chánh không thành thì lại là chuyện khác.

Một tài liệu sau này của Võ Văn Kiệt nhấn mạnh vai trò của Phạm Ngọc Thảo không phải là điệp viên mà là cán bộ chính trị có nhiệm vụ chiến lược được Lê Duẩn gài lại miền Nam - một trong các nhiệm vụ này là ngăn cản quân đội Mỹ trực chiến, được xem là nhiệm vụ hàng đầu. Theo tôi, Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu rất rõ vai trò của Phạm Ngọc Thảo, đã che chở và nuôi dưỡng đường dây này, vì để tránh cuộc chiến mở rộng sẽ đến một lúc hai miền Nam Bắc cần phải nói chuyện với nhau. Miền Bắc đã có kinh nghiệm về cuộc chiến Cao Ly 1950-53 rất sợ quân đội Trung Cộng đổ bộ vào Việt Nam nếu xảy ra việc quân đội Mỹ trực chiến. Đây là một cơ hội bỏ lỡ mà lịch sử sau này cần làm sáng tỏ.

Riêng về tương quan giữa Phạm Ngọc Thảo và Trần Thiện Khiêm là một tương quan chặt chẽ khởi đầu từ cuối 1947 lúc ông Khiêm vừa mãn khóa sĩ quan với cấp bậc chuẩn úy vì bất mãn đã trốn theo Việt Minh, và Phạm Ngọc Thảo bấy giờ là trưởng phòng mật vụ Nam Bộ do Lê Duẩn bí thư xứ ủy bổ nhiệm. Mặc dầu có khoảng cách về cấp bậc trong quân đội, nhưng ông Khiêm luôn xem ông Thảo là một “đàn anh” về mọi phương diện. Dưới thời ông Diệm, Phạm Ngọc Thảo không bao giờ được nắm binh quyền và bị giám sát chặt chẽ. Sau ngày 1 Tháng Mười Một, 1963, sở dĩ Phạm Ngọc Thảo có thể điều động các đơn vị quân đội làm đảo chính là do ủy nhiệm của ông Khiêm và nhân danh

ông Khiêm.

Hỏi: Trong trường hợp nào Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, các điệp viên của cộng sản đã trở thành cố vấn và phụ tá của Tổng Thống Thiệu?

Đáp: Người đưa Huỳnh Văn Trọng vào phủ tổng thống là ông Tổng Thư Ký Phủ Tổng Thống Nguyễn Văn Hường, còn gọi là Mười Hường hay Mười Lễ nguyên là cán bộ cao cấp Đại Việt, xứ trưởng sứ bộ Nam Việt. Trước đây ông Hường là thành phần trong bộ tham mưu tranh cử năm 1967 của liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Trình Quốc Khánh, đã liên hệ với nhóm chính trị của linh mục Hoàng Quỳnh qua Huỳnh Văn Trọng, Vũ Ngọc Nhạ là những đại diện. Khi ông Thiệu đắc cử tổng thống đã bổ nhiệm ông Hường vào chức vụ tổng thư ký phủ tổng thống. Huỳnh Văn Trọng là phụ tá của tổng thư ký phủ tổng thống tức phụ tá của ông Hường chứ không phải là phụ tá của Tổng Thống Thiệu. Tổ chức phủ tổng thống lúc bấy giờ có hai hệ thống phụ tá:

- Phụ tá của tổng thống có danh xưng “Phụ tá đặc biệt tổng thống VNCH” làm việc trực tiếp với tổng thống.

- Phụ tá của tổng thư ký phủ tổng thống, có danh xưng là “Phụ tá đặc trách”, trực thuộc văn phòng tổng thư ký, gồm các ông Huỳnh Văn Trọng, Uông Ngọc Thạch, Nguyễn Cao Thắng và Dương Đức Thụy.

Kể từ nội các Trần Thiện Khiêm (1969) văn phòng tổng thư ký phủ tổng thống bị giải tán, hệ thống phụ tá đặc trách không còn nữa, các ông Nguyễn Cao Thắng, Dương Đức Thụy được bổ nhiệm làm phụ tá đặc biệt tổng thống VNCH.

Vũ Ngọc Nhạ chưa bao giờ là cố vấn của Tổng Thống Thiệu. Không có văn kiện nào bổ nhiệm đương sự và trong tổ chức Phủ Tổng Thống lúc bấy giờ không có chức vụ này.

Hỏi: Ông nhận định thế nào về tầm mức quan trọng của cán bộ tình báo chiến lược cộng sản nằm vùng trong hàng ngũ quốc gia trước 1975?

Đáp: Các cán bộ tình báo chiến lược dù chui sâu vào chính quyền miền Nam cũng rất khó tìm hiểu các bí mật quốc gia có tầm mức chiến lược vì đây là lãnh vực chuyên độc của người lãnh đạo quốc gia mà số giới chức tiếp cận rất hạn chế. Dưới thời Tổng Thống Diệm cũng như Tổng Thống Thiệu, ngay hội đồng tổng trưởng là cơ quan cao nhất của chính phủ cũng rất ít khi thảo luận các vấn đề chính trị có tính cách chiến lược vì đây là lãnh vực cấm kỵ, liên quan đến mặt trái của chính sách Mỹ.

Phần lớn các cán bộ tình báo chiến lược của cộng sản nằm vùng trong hàng ngũ quốc gia đều là cộng sự viên của các cơ quan tình báo ngoại quốc, như Huỳnh Văn Trọng nguyên là nhân viên phòng nhì Pháp và sau này là nhân viên tòa đại sứ Mỹ, Phạm Ngọc Thảo làm việc cho cơ quan tình báo Anh và CIA Mỹ, Phạm Xuân Ẩn liên hệ với CIA từ thời Lansdale v.v... qua các môi trường tình báo ngoại quốc, họ khai thác được các tin tức có tầm mức chiến lược. Cơ quan tình báo Mỹ biết họ là điệp viên cộng sản nhưng đã cố tình sử dụng vì nhu cầu các mục tiêu dài hạn. Sau 30 Tháng Tư năm 1975, những cán bộ tình báo này đã được cộng sản thăng cấp, mang nhiều huy chương, danh hiệu anh hùng... nhưng không bao giờ còn được tin dùng nữa.

Hỏi: Trong cuộc bầu cử tổng thống 1971, khi áp dụng điều 10 khoản 7 hạn chế các liên danh tranh cử, ông có tiên liệu sẽ xảy ra độc cử cùng những hậu quả chính trị tai hại của nó hay không? Cụ thể là uy tín chính trị của Tổng Thống Thiệu bị giảm sút trong quần chúng, sự bất mãn của dân chúng Hoa Kỳ đẩy mạnh phong trào phản chiến và Quốc Hội Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ v.v...

Đáp: Đây là một trường hợp bất khả kháng, không còn một sự lựa chọn nào khác. Cuộc bầu cử Tổng Thống 1971 đã vượt ra khỏi khuôn khổ hiến pháp 1967, được tổ chức dưới áp lực hòa đàm Paris. Trong các cuộc mật đàm trước đó cộng sản luôn đòi hỏi Mỹ phải loại trừ ông Thiệu như một điều kiện tiên quyết và Dương Văn Minh là một lá bài của Mỹ và cộng sản để thực hiện giải pháp liên hiệp thay thế ông Thiệu. Đây không còn là vấn đề cá nhân giữa các ông Thiệu, Kỳ, Minh. Với sự nhập cuộc của ông Minh, chúng tôi bắt buộc phải biến cuộc bầu cử Tổng Thống 1971 thành một cuộc trưng cầu dân ý giữa hai lập trường (giải pháp) chính trị đối nghịch: một bên là ông Thiệu đại diện cho những người quốc gia chống cộng và bên kia là ông Dương Văn Minh đại diện cho những người chấp nhận liên hiệp với cộng sản. Cần lưu ý là trong các cuộc bầu cử, quốc gia và cộng sản ở trong tình trạng “trộn trấu” tại những vùng mất an ninh. Điều 10 khoản 7 chỉ có mục tiêu ngăn chặn sự chia phiếu về phía những người quốc gia chống cộng. Nếu ông Minh đắc cử, Hiến pháp 1967 và chế độ hiện hữu đương nhiên bị xóa bỏ và miền Nam được “tự nguyện” trao cho cộng sản Bắc Việt qua giải pháp liên hiệp.

Ông Thiệu không hề có chủ trương độc cử. Ông chủ trương thực hiện một cuộc bầu cử công bằng và ngay thẳng với sự nhập cuộc của ông Dương Văn Minh mà

sự thắng cử sẽ giúp ông có một tư thế mạnh tại hòa đàm Paris cũng như trong vấn đề lãnh đạo đất nước. Điều mà cả cộng sản và Mỹ đều không muốn và đó là nguyên nhân chính yếu đã đưa đến tình trạng độc cử.

Hỏi: Khi rơi vào tình trạng độc cử, phản ứng ông Thiệu như thế nào?

Đáp: Sau cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện cuối năm 1970 với sự nhập cuộc của khối Phật Giáo Ấn Quang (liên danh Hoa Sen), chúng tôi đã có đủ yếu tố chính trị để xét định khuynh hướng cử tri trong cuộc bầu cử Tổng Thống dự liệu vào tháng 10/1971. Trung tâm điện toán Bộ Tổng Tham Mưu đã được sử dụng để thực hiện các công việc phân tích, cho thấy trong cuộc đối đầu này, ông Minh sẽ chiếm từ 40 đến 45% tổng số cử tri đi bầu và ông Thiệu sẽ đắc cử với tỷ lệ từ 55 đến 60%. Chúng tôi đã trình bày đầy đủ các yếu tố cùng giải pháp điều 10 khoản 7 và các hậu quả của việc áp dụng để ông Thiệu quyết định; hai trường hợp dự liệu sẽ xảy ra;

- Trường hợp lý tưởng: cuộc tranh cử gồm liên danh ông Thiệu và liên danh ông Minh;

- Trường hợp tệ hại có khả năng xảy ra là ông Minh sẽ rút lui để đưa đến độc cử, tạo khủng hoảng chính trị.

Ông Thiệu không có một sự lựa chọn nào khác. Ông Thiệu nói với tôi: nếu không phải là một quân nhân và không có tinh thần trách nhiệm của một quân nhân thì tôi sẽ không ra tranh cử. Trong một phiên họp gồm một số phụ tá và có sự hiện diện của ông Khiêm với những khó khăn đã được tiên liệu, ông Thiệu tuyên bố mà không giải thích lý do: có thể tôi chỉ ra tranh cử nếu có sự yêu

cầu của quân đội. Bấy giờ là đầu Tháng Giêng năm 1971, kế hoạch tranh cử và điều 10 khoản 7 hoàn toàn được giữ mật nên mọi người hiện diện đều cho rằng ông Thiệu tung “hỏa mù” vì họ đều nghĩ cuộc bầu cử sẽ diễn tiến như thường lệ có nghĩa là liên danh chính quyền đương nhiên đắc cử và vì họ nghĩ rằng Hoa Kỳ không thể nào bỏ rơi Việt Nam. Tháng 4/1971 dự luật bầu cử với điều 10 khoản 7 được một số dân biểu đứng tên tác giả đệ nạp tại Quốc Hội như một sáng kiến từ phía lập pháp. Sau khi luật bầu cử được ban hành, với sự đồng ý của ông Thiệu tôi đã tiếp xúc với một lãnh tụ chính đảng có cơ sở quần chúng tại miền Trung đứng ra lập “liên danh đেম” với mục đích: nếu ông Minh nhập cuộc thì liên danh này sẽ rút lui, nếu ông Minh rút lui thì liên danh này sẽ tranh cử với liên danh của ông Thiệu – mục đích để tránh độc cử. Nhưng câu chuyện không thành.

Khi các ông Minh và Kỳ đều rút lui, ông Thiệu đã triệu tập hội đồng tướng lãnh để hỏi ý kiến, gồm tổng trưởng quốc phòng, tổng tham mưu trưởng, tư lệnh quân đoàn và tất cả đều bày tỏ sự ủng hộ ngoại trừ Tướng Cao Văn Viên không cho ý kiến. Điều này không có nghĩa là Tướng Viên chống lại vụ độc cử; ông là một quân nhân có kỷ luật và lập trường của ông là quân đội không làm chính trị.

Là một trong những nhân vật của cuộc đảo chánh ngày 1/ Tháng Mười Một năm 1963, ông Thiệu hiểu hơn ai hết là người Mỹ có thể dùng vụ “độc cử” như một lý do để bấm nút đảo chánh khi cần thiết và những tướng lãnh đã bày tỏ sự ủng hộ ông trong vụ này không hẳn là những người trung thành với ông. Ông đã nhắn nhủ với họ: *“đảo chánh quân sự là chuyện dễ, chỉ cần một tiểu đoàn để đánh vào Dinh Độc Lập nhưng xương máu*

chiến sĩ phải dành cho công cuộc chống cộng, bảo vệ đất nước, có gì không bằng lòng thì vào đây nói chuyện với tôi, tôi sẵn sàng từ chức.” Một mặt ông Thiệu mở rộng cánh cửa đảo chánh để những kẻ có âm mưu thấy rằng họ sẽ đánh vào “khoảng trống” nhưng mặt khác ông có hệ thống theo dõi và ngăn chặn chặt chẽ.

Bị rơi vào tình trạng độc cử, một lần nữa Tổng Thống Thiệu lại bị lệ thuộc vào sự ủng hộ của quân đội hay đúng hơn là một số tướng lĩnh nắm binh quyền và lệ thuộc vào Hoa Kỳ, như trước đây trong cuộc bầu cử năm 1967 trong việc sáp nhập hai liên danh Thiệu - Kỳ; những trói buộc này đã kiềm chế và giới hạn khả năng lãnh đạo của ông trong khi đất nước đòi hỏi những biện pháp cách mạng và triệt để.

Riêng cá nhân tôi, sau cuộc bầu cử tổng thống 1971, đã xin ông Thiệu cho từ chức để ông tiện việc sắp xếp nhân sự cho giai đoạn mới, nhưng ông yêu cầu tôi ở lại giúp ông, và cũng ngay hôm đó ông ủy nhiệm tôi thành lập đảng Dân Chủ là đảng cầm quyền.

Hỏi: Xin ông cho biết lý do thực sự của việc thành lập đảng Dân Chủ?

Đáp: Sau cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện cuối 1970 và việc kết hợp 6 chính đảng hoàn toàn thất bại, ông Thiệu quyết định thành lập đảng cầm quyền nhưng chỉ sau cuộc bầu cử Tổng Thống 1971 mới chính thức công khai và phát triển trong quần chúng. Đảng Dân chủ không nhằm tranh ghế dân biểu, nghị sĩ hay tổng thống mà để đối phó với việc giải kết của người Mỹ; có một số mục tiêu cụ thể nhưng không công bố:

- Hữu hiệu hóa guồng máy chính quyền.

- Đoàn ngũ hóa nhân dân.

Vì áp lực của Mỹ, đảng Dân Chủ đã ngừng hoạt động một thời gian ngắn sau Hiệp Định Paris 1973. Các mục tiêu không đạt được.

Riêng quân ủy đảng Dân Chủ trong giai đoạn đầu có mục tiêu giới hạn nhằm ngăn chặn đảo chánh và phản đảo chánh. Để tránh trường hợp “gậy ông đập lưng ông” như đảng Cần Lao, nguyên tắc ngăn cách đã được triệt để áp dụng giữa cá nhân, đơn vị; các tướng lãnh và một số giới chức đặc biệt được tuyên thệ riêng biệt từng người với Tổng Thống Thiệu...

Hỏi: Sau khi Tối Cao Pháp Viện niêm yết lần thứ nhất danh sách các liên danh tranh cử gồm Nguyễn Văn Thiệu và Dương Văn Minh thì ông Minh đã tuyên bố rút lui vì nhận thấy cuộc bầu cử thiếu công bằng, có dấu hiệu gian lận và ông đã công bố một tài liệu của Phủ Tổng Thống phân phối cho các tỉnh trưởng về việc này như một bằng chứng buộc ông phải rút lui. Ông nghĩ sao về sự kiện này?

Đáp: Sự thực không phải như vậy. Tài liệu ông Dương Văn Minh đề cập là một tài liệu mật của Văn Phòng chúng tôi. Trong tài liệu giải mật sau này của đại sứ Bunker cho biết tài liệu này đã được gửi về Bộ Ngoại Giao Mỹ để phân tích và phúc trình tòa bạch ốc với kết luận: “không có dấu hiệu nào cho thấy ông Thiệu đưa ra những chỉ thị để gian lận.”

Thực sự ông Dương Văn Minh đã bị buộc phải rút lui dưới áp lực bộ tham mưu của ông ta do các dân biểu, nghị sĩ thân cộng chi phối. Những dân biểu, nghị sĩ này

sinh hoạt chặt chẽ với thành ủy Cộng Sản Sài Gòn và đã nhận chỉ thị từ phái đoàn cộng sản tại Paris, như đã được xác nhận sau này, theo đó cộng sản muốn ông Minh hoặc thay Thiệu - Kỳ đứng đầu một chính phủ liên hiệp (liên hiệp được hiểu với MTGPMN chứ không phải với những người quốc gia chống cộng), hoặc đứng đầu cái gọi là lực lượng thứ ba do cộng sản dàn dựng. Ông Minh không có sự chọn lựa nào khác là phải rút lui, nếu không thì các dân biểu, nghị sĩ Ấn Quang và Cộng Sản đã ký giấy giới thiệu cho ông ra ứng cử cùng các lực lượng chính trị liên hệ sẽ rút lại sự ủng hộ. Về phía người Mỹ cũng không muốn ông Minh sẽ làm bàn đạp để ông Thiệu thắng cử vì như thế sẽ gây bế tắc tại hòa đàm Paris. Mười năm sau gặp lại ông Thiệu, nhắc lại chuyện cũ cùng những nhận định tình hình ngày đó, ông tái xác nhận: *“Như anh đã biết trước đó bọn cộng sản luôn luôn đặt vấn đề với Mỹ là phải thay tôi kể cả biện pháp ám sát, sở dĩ Mỹ không làm điều đó vì họ đang cần tôi để có sự an toàn cho họ rút quân trong các năm 1969, 70, 71. Cuối 1971 và cũng là sát với nhu cầu bầu cử tổng thống Mỹ 1972, họ muốn thay tôi bằng ông Minh qua cuộc bầu cử tháng 10 vì nếu ông Minh thắng cử thì ông ta sẽ yêu cầu Mỹ chấm dứt mọi sự can thiệp và như thế Mỹ sẽ bỏ rơi miền Nam một cách suông sẻ và chính đáng mà không sợ bị lên án phản bội.”*

Như một quan sát viên ngoại quốc nhận định, bản chất ông Dương Văn Minh là một người không quyết đoán ngoại trừ một lần duy nhất là việc giết hai ông Diệm, Nhu; quyết định tàn bạo này đã đẩy ông vào thế cô lập đối với những người quốc gia chống cộng. Ông Thiệu đã có thời gian làm tham mưu trưởng Bộ Tư Lệnh Hành Quân dưới quyền ông Minh, nhắc lại thời gian này ông nói chưa bao giờ ông có một người chỉ huy tệ hại như vậy: lười biếng, nhác nhớn trong suy nghĩ và hoàn toàn

không khả năng. Ông Ngô Đình Nhu nhận xét về ông Minh: “Có xác của một con voi và bộ óc của con ruồi”. Không biết có phải vì lý do này mà ông Nhu đã bị cận vệ của ông Minh là đại úy Nhung bắn nhiều phát đạn và đâm hơn chục nhát dao găm. Tựu trung ông ta chỉ là con rối của Mỹ và cộng sản.

Hỏi: Lãnh tụ chánh đảng miền Trung mà ông đề cập trong việc thiết lập “liên danh đệm” trong cuộc bầu cử Tổng Thống 1971 có phải là ông Hà Thúc Ký thuộc Đại Việt Cách Mạng?

Đáp: Đúng. Tôi đã nói chuyện trực tiếp với ông ta. Tôi đã đưa ra các điều kiện về phía chúng tôi sẽ thực hiện: về hồ sơ tranh cử, chúng tôi sẽ cung cấp đầy đủ 100 chữ ký nghị viên và đóng tiền ký quỹ theo luật định; sau cuộc bầu cử, Đại Việt Cách Mạng sẽ tham dự chính phủ trung ương; sẽ tham dự chính quyền địa phương tại các nơi có cơ sở đảng; và chúng tôi sẽ giúp phát triển đảng trên toàn quốc v.v...

Hỏi: Trong vấn đề thiết lập “liên danh đệm” tại sao ông Thiệu không chọn ông Nguyễn Ngọc Huy vẫn được dư luận ngày đó xem là đối lập “cuội”?

Đáp: Lúc bấy giờ ông Thiệu đã có quyết định lập đảng cầm quyền nhưng còn giữ kín và qua vấn đề thiết lập “liên danh đệm” chúng tôi muốn gấp rút tiến đến chế độ lưỡng đảng. Ông Thiệu không tin tưởng vào lập trường chống cộng của những người lãnh đạo Tân Đại Việt. Cụ thể liên danh ứng cử Tổng Thống Trương Đình Dzu - Trần Văn Chiêu năm 1967 thật sự là liên danh của đảng Tân Đại Việt được thành lập do “gợi ý” của người Mỹ để thử nghiệm về một giải pháp chính trị, với dấu hiệu Bồ câu trắng, danh hiệu Hòa Bình, chủ trương thừa

nhận MTGPMN, tiến đến chính phủ liên hiệp... Trương Đình Dzu là một phần tử hoạt động tích cực cho Việt Minh thời gian chống Pháp trước 1955 và Trần Văn Chiêu là một cán bộ cao cấp của Tân Đại Việt đồng thời là một điệp viên của cộng sản trước 1975, liên danh đã về nhì trong cuộc tranh cử với sự yểm trợ của Mỹ qua cán bộ chiến dịch phượng hoàng và của cộng sản tại những vùng mất an ninh. Các cuộc chính biến gây tình trạng hỗn loạn từ ngày 1 Tháng Mười Một năm 1963 đến 1965 đều do các sĩ quan Tân Đại Việt chủ xướng, họ nôn nóng cướp chính quyền bằng mọi giá nhưng là những chuyên viên hái trái cây khi còn xanh. Lúc tôi phụ trách quân ủy đảng Dân Chủ, ông Thiệu nói với tôi: bọn sĩ quan Tân Đại Việt có nhiều “thằng” xứng đáng lên tướng. Nhưng những người được xem là xứng đáng đã không được lên tướng. Một trong những người này là DHN thủ khoa khóa 5 Đà Lạt là khóa mà ông Thiệu làm huấn luyện viên và đã cho rất nhiều sĩ quan của khóa này lên tướng - một lý do thâm kín là sự hiện diện của đương sự trong đoàn thiết vận xa đón Tổng Thống Diệm và ông Nhu tại nhà thờ Cha Tam sáng ngày 2 Tháng Mười Một năm 1963 đã được tướng Dương Văn Minh ủy thác cùng đại úy Nguyễn Văn Nhung thi hành sứ mạng thanh toán hai ông Diệm, Nhu.

Đảng Tân Đại Việt là đảng được ông Thiệu cung cấp phương tiện tiền bạc rất nhiều với hơn 15% đô, tỉnh, thị trưởng toàn quốc trong đó có đô trưởng Sài Gòn . Ông Thiệu nói với tôi: “Anh để thằng Nh. ở đó (đô trưởng Saigon) để nó nuôi bọn Tân Đại Việt không thì mình cũng phải nuôi.” Nhưng ông Thiệu không bao giờ để họ chỉ huy các đơn vị quân đội hoặc giữ các trọng trách tại trung ương.

Chính sách chia để trị của người Pháp đã để lại những

ảnh hưởng sâu đậm trong sinh hoạt chính trị miền Nam thời hậu thuộc địa và cộng sản đã rất thâm độc khi thành lập MTGPMN làm bình phong cho cuộc xâm lăng của chúng.

Bằng sự liên kết với cụ Hương và thỏa hiệp với lực lượng Tân Đại Việt, ông Thiệu đã hóa giải thế đứng của tổ chức liên trường và phong trào quốc gia cấp tiến.

Nguồn: nvbonphuong.

THANKS - DV 2017